

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Số: 1519/QĐ-ĐHSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy định về yêu cầu năng lực số đối với sinh viên trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Khung năng lực số cho người học;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30/5/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐDH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐDH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 2602/ĐHĐN-ĐT ngày 19/7/2021 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 06/5/2024, Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 03/3/2025, Nghị quyết số 24/NQ-HĐT ngày 03/4/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1586/QĐ-ĐHSP ngày 30/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;



Căn cứ Quyết định số 1498/QĐ-ĐHSP ngày 31/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về yêu cầu năng lực số đối với sinh viên trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy, gọi tắt là Chuẩn đầu ra năng lực số.

Điều 2. Quy định này áp dụng từ khoá tuyển sinh 2025 trở về sau và thay thế cho Quyết định số 1471/QĐ-ĐHSP ngày 15/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *MT*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Đại học Đà Nẵng (để báo cáo);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, ĐT. *MT*

**TS. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn





TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
VỀ YÊU CẦU NĂNG LỰC SỐ ĐỐI VỚI SINH VIÊN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-ĐHSP ngày 19/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về yêu cầu năng lực số đối với sinh viên trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.
2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy khoá tuyển sinh 2025 trở về sau của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, trừ sinh viên các ngành Sư phạm Tin học, ngành Công nghệ thông tin và các ngành có chuẩn đầu ra về năng lực số bằng hoặc cao hơn bậc 4 trên 8 theo Khung năng lực số cho người học được xác định bổ sung (nếu có).

Điều 2. Yêu cầu về năng lực số

1. Để được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng, ngoài các yêu cầu theo quy chế đào tạo hiện hành, sinh viên phải đạt năng lực số bậc 4/8 trở lên theo Khung năng lực số 8 bậc dùng cho người học hoặc được công nhận tương đương theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.
2. Năng lực số bậc 4 dành cho người học ban hành theo Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo được xác định dựa trên 06 miền năng lực (Khai thác dữ liệu và thông tin, Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số, Sáng tạo nội dung số, An toàn, Giải quyết vấn đề, Ứng dụng trí tuệ nhân tạo) và được quy định chi tiết tại Phụ lục 1.

Điều 3. Xét công nhận đạt chuẩn đầu ra năng lực số

Sinh viên được xét công nhận đạt chuẩn đầu ra về năng lực số khi đáp ứng được một trong 03 điều kiện sau đây:

1. Đạt năng lực số bậc 4 và được cấp giấy chứng nhận trong Kỳ thi đánh giá năng lực số dành cho người học do Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng tổ chức.
2. Đạt điểm C trở lên đối với học phần “Công nghệ số cơ bản” trong chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Sư phạm - Đại



học Đà Nẵng.

3. Đạt năng lực số bậc 4 hoặc tương đương trở lên theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

Điều 4. Xét công nhận tương đương

Sinh viên được xét công nhận tương đương để đạt chuẩn đầu ra năng lực số nếu đạt một trong các trường hợp sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin trở lên.
2. Có chứng nhận hoặc chứng chỉ đạt chuẩn năng lực số bậc 4 trở lên do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tổ chức được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cấp và công nhận.
3. Các chứng chỉ hoặc chứng nhận về công nghệ số được cơ quan có thẩm quyền công nhận là tương đương năng lực số bậc 4 trở lên.
4. Các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Hiệu trưởng xem xét quyết định trên cơ sở đề xuất của Phòng Đào tạo và các đơn vị có liên quan.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày kí.
2. Những quy định trước đây trái với Quy định này không còn hiệu lực.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn; các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.





TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 1: KHUNG NĂNG LỰC SỐ BẬC 4
DÙNG CHO SINH VIÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO
CHÍNH QUY CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số 519/QĐ-ĐHSP ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng)

1. KHAI THÁC DỮ LIỆU VÀ THÔNG TIN

Xác định được rõ nhu cầu thông tin, xác định được vị trí và truy xuất được dữ liệu, thông tin và nội dung số. Đánh giá được mức độ liên quan của nguồn và nội dung của chúng. Lưu trữ, quản lý và tổ chức được dữ liệu, thông tin và nội dung số.

1.1. DUYỆT, TÌM KIẾM VÀ LỌC DỮ LIỆU, THÔNG TIN VÀ NỘI DUNG SỐ

a. Yêu cầu

Xác định được nhu cầu thông tin, tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số, truy cập chúng và khai thác được kết quả tìm kiếm. Tạo và cập nhật được chiến lược tìm kiếm.

b. Mức độ thành thạo

Dựa trên nhu cầu riêng và với các vấn đề được xác định rõ ràng và không thường xuyên, người học có thể tự mình:

- Minh họa được nhu cầu thông tin;
- Tổ chức được tìm kiếm dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số;
- Mô tả được cách truy cập những dữ liệu, thông tin và nội dung này cũng như điều hướng giữa chúng;
- Tổ chức được các chiến lược tìm kiếm.

1.2. ĐÁNH GIÁ DỮ LIỆU, THÔNG TIN VÀ NỘI DUNG SỐ

a. Yêu cầu

Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy và tính xác thực của nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số. Phân tích, giải thích và đánh giá được dữ liệu, thông tin và nội dung số.

b. Mức độ thành thạo

Dựa trên nhu cầu riêng và với các vấn đề được xác định rõ ràng và không thường xuyên, người học có thể độc lập:

- Thực hiện phân tích, so sánh và đánh giá được các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số.
- Thực hiện phân tích, diễn giải và đánh giá được dữ liệu, thông tin và nội dung số.

1.3. QUẢN LÝ DỮ LIỆU, THÔNG TIN VÀ NỘI DUNG SỐ

a. Yêu cầu

b. Mức độ thành thạo

Dựa trên nhu cầu riêng và với các vấn đề được xác định rõ ràng và không thường xuyên, người học có thể độc lập:

- Lựa chọn được các dịch vụ số để tham gia vào xã hội;
- Thảo luận về các công nghệ số phù hợp để nâng cao năng lực của bản thân và tham gia vào xã hội với tư cách là một công dân.

2.4. HỢP TÁC THÔNG QUA CÔNG NGHỆ SỐ**a. Yêu cầu**

Sử dụng được các công cụ và công nghệ số cho các quá trình hợp tác cũng như để cùng xây dựng và đồng sáng tạo dữ liệu, tài nguyên và kiến thức.

b. Mức độ thành thạo

Dựa trên nhu cầu riêng và với các vấn đề được xác định rõ ràng và không thường xuyên, người học có thể độc lập lựa chọn được các công cụ và công nghệ số cho các quá trình hợp tác.

2.5. QUY TẮC ỨNG XỬ TRÊN MẠNG**a. Yêu cầu**

Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số. Điều chỉnh các chiến lược giao tiếp phù hợp với đối tượng cụ thể và nhận thức được sự đa dạng về văn hóa và thể hệ trong môi trường số.

b. Mức độ thành thạo

Dựa trên nhu cầu riêng và với các vấn đề được xác định rõ ràng và không thường xuyên, người học có thể độc lập:

- Thảo luận về các chuẩn mực hành vi và cách sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số;
- Thảo luận các chiến lược giao tiếp phù hợp trong môi trường số;
- Thảo luận các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thể hệ cần xem xét trong môi trường số.

2.6. QUẢN LÝ DANH TÍNH SỐ**a. Yêu cầu**

Tạo và quản lý được một hoặc nhiều danh tính số để bảo vệ danh tiếng của bản thân, làm việc với dữ liệu mà một người tạo ra bằng nhiều công cụ, môi trường và dịch vụ số.

b. Mức độ thành thạo

Dựa trên nhu cầu riêng và với các vấn đề được xác định rõ ràng và không thường xuyên, người học có thể độc lập:

- Hiện thị được nhiều danh tính số cụ thể;
- Thảo luận những cách cụ thể để bảo vệ danh tiếng trực tuyến của bản thân;
- Thao tác dữ liệu cá nhân tạo ra thông qua các công cụ, môi trường hoặc dịch vụ số.

4. AN TOÀN

Bảo vệ được các thiết bị, nội dung, dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số. Bảo vệ được sức khỏe thể chất và tinh thần, đồng thời nhận biết các công nghệ số giúp tăng cường thịnh vượng xã hội và hòa hợp trong xã hội. Nhận thức về tác động môi trường của công nghệ số và việc sử dụng công nghệ số.

4.1. BẢO VỆ THIẾT BỊ

a. Yêu cầu

Bảo vệ được thiết bị và nội dung số; hiểu được rõ rủi ro và mối đe dọa trong môi trường số; nắm được các biện pháp an toàn và bảo mật; quan tâm đến mức độ tin cậy và quyền riêng tư.

b. Mức độ thành thạo

Dựa trên nhu cầu riêng và với các vấn đề được xác định rõ ràng và không thường xuyên, người học có thể độc lập:

- Thiết lập được những cách thức bảo vệ thiết bị và nội dung số, và
- Phân biệt được rủi ro và mối đe dọa trong môi trường số;
- Chọn lựa được các biện pháp an toàn và bảo mật;
- Giải thích được các cách thức để quan tâm đến mức độ tin cậy và quyền riêng tư.

4.2. BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN VÀ QUYỀN RIÊNG TƯ

a. Yêu cầu

Bảo vệ được dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số. Hiểu được cách sử dụng và chia sẻ thông tin định danh cá nhân một cách an toàn, có khả năng bảo vệ bản thân và người khác. Hiểu được cách các dịch vụ số sử dụng “Chính sách Quyền riêng tư” để thông báo phương thức sử dụng dữ liệu cá nhân.

b. Mức độ thành thạo

Dựa trên nhu cầu riêng và với các vấn đề được xác định rõ ràng và không thường xuyên, người học có thể độc lập:

- Thảo luận về cách bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số;
- Thảo luận về cách sử dụng và chia sẻ thông tin định danh cá nhân một cách an toàn;
- Chỉ ra được các tuyên bố trong chính sách quyền riêng tư về cách sử dụng dữ liệu cá nhân trong các dịch vụ số.

4.3. BẢO VỆ SỨC KHỎE VÀ AN SINH SỐ

a. Yêu cầu

Tránh được rủi ro và đe dọa đến sức khỏe thể chất và tinh thần khi sử dụng công nghệ số. Bảo vệ được bản thân và người khác khỏi nguy cơ trong môi trường số (ví dụ: bắt nạt trên mạng). Nhận biết được những công nghệ số giúp tăng cường thịnh vượng xã hội và sự hòa hợp trong xã hội.

b. Mức độ thành thạo

- Lựa chọn được các công cụ số và các giải pháp công nghệ có thể có để giải quyết những nhu cầu đó;
- Chọn được cách điều chỉnh và tùy chỉnh môi trường số theo nhu cầu cá nhân.

5.3. SỬ DỤNG SÁNG TẠO CÔNG NGHỆ SỐ

a. Yêu cầu

Sử dụng các công cụ và công nghệ số để tạo ra kiến thức, đổi mới quy trình và sản phẩm. Gắn kết cá nhân và tập thể vào quá trình xử lý nhận thức để hiểu và giải quyết các vấn đề mang tính khái niệm và các tình huống có vấn đề trong môi trường số.

b. Mức độ thành thạo

Dựa trên nhu cầu riêng và với các vấn đề được xác định rõ ràng và không thường xuyên, người học có thể độc lập:

- Phân biệt được các công cụ và công nghệ số có thể được sử dụng để tạo ra kiến thức và đổi mới quy trình và sản phẩm;
- Gắn kết được cá nhân và tập thể vào quá trình xử lý nhận thức để hiểu và giải quyết các vấn đề khái niệm và tình huống có vấn đề trong môi trường số.

5.4. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CẦN CẢI THIỆN VỀ NĂNG LỰC SỐ

a. Yêu cầu

Hiểu được năng lực số của chính mình cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu. Có thể hỗ trợ người khác phát triển năng lực số của họ. Tìm kiếm được cơ hội phát triển bản thân và cập nhật sự phát triển số.

b. Mức độ thành thạo

Dựa trên nhu cầu riêng và với các vấn đề được xác định rõ ràng và không thường xuyên, người học có thể độc lập:

- Thảo luận về lĩnh vực năng lực số của bản thân cần được cải thiện hoặc cập nhật;
- Chỉ ra được cách hỗ trợ người khác phát triển năng lực số của họ;
- Chỉ ra được nơi để tìm kiếm cơ hội phát triển bản thân và cập nhật sự phát triển số.

6. ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Có kiến thức và kỹ năng cho phép người học hiểu, đánh giá và sử dụng các hệ thống và công cụ AI một cách an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm.

6.1. HIỂU BIẾT VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

a. Yêu cầu

Hiểu được cách AI ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày và vai trò của AI trong các lĩnh vực khác nhau. Nắm vững được nguyên tắc hoạt động của AI, khả năng và hạn chế của AI.

b. Mức độ thành thạo

Dựa trên nhu cầu riêng và với các vấn đề được xác định rõ ràng và không thường xuyên, người học có thể độc lập:

